



Original Article

The impact of remittances on the economic growth in Vietnam: A study relied on the VAR model

Nguyen Phuc Hien^{*}, Phan Ngoc Thuy Dung

Foreign Trade University

No. 91, Chua Lang Street, Dong Da District, Hanoi, Vietnam

Received: November 24, 2022

Revised: December 14, 2022; Accepted: February 25, 2023

Abstract: Remittances have become an important financial resource in developing countries, including Vietnam. In the last two decades, remittance flows to Vietnam increased rapidly, exceeding other financial flows such as Foreign Direct Investment (FDI) and Official Development Assistance (ODA), and have made Vietnam among the top countries receiving large remittance flows in Southeast Asia. Therefore, by using the quantitative VAR model and the data series from 2002 to 2020, this study analyzes the impact of remittances on Vietnam's economic growth in the short term and predicts their impact in the long term. Overall, the research results show a positive impact of remittances on GDP growth in the short term, and a negative impact in the long term, which is the basis for proposing policy implications for state management.

Keyword: Remittances, economic growth, VAR.

^{*} Corresponding author

E-mail address: hiennguyenphuc@ftu.edu.vn

<https://doi.org/10.57110/jebvn.v3i1.158>

Copyright © 2023 The author(s)

Licensing: This article is published under a CC BY-NC 4.0 license.

Tác động của kiều hối đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam: Nghiên cứu dựa vào mô hình VAR

Nguyễn Phúc Hiền*, Phan Ngọc Thùy Dung

Trường Đại học Ngoại thương

Số 91 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 24 tháng 11 năm 2022

Chỉnh sửa ngày 14 tháng 12 năm 2022; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 2 năm 2023

Tóm tắt: Kiều hối đã trở thành nguồn lực tài chính quan trọng ở các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Trong hai thập kỷ gần đây, dòng kiều hối về Việt Nam tăng mạnh, vượt cả vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nằm trong top những quốc gia nhận kiều hối lớn trong khu vực Đông Nam Á. Vì vậy, thông qua sử dụng mô hình VAR với dữ liệu chuỗi thời gian theo quý từ năm 2002-2020, nghiên cứu này xem xét tác động của kiều hối đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong ngắn hạn và dự đoán tác động trong dài hạn. Kết quả nghiên cứu cho thấy tác động tích cực của kiều hối đến tăng trưởng GDP trong ngắn hạn và tác động tiêu cực trong dài hạn, đó là cơ sở để đề xuất các hàm ý chính sách đối với quản lý nhà nước.

Từ khóa: Kiều hối, tăng trưởng kinh tế, VAR.

1. Giới thiệu

Kiều hối là dòng tiền từ người di cư ở nước ngoài chuyển về cho gia đình của họ ở tổ quốc (Koser, 2007). Nó chính là phần thu nhập của người lao động ở nước ngoài gửi về nước (Puri & Ritzema, 1999). Trên phương diện vĩ mô, kiều hối là nguồn tài chính quan trọng của quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Theo World Bank (2021), kiều hối chảy vào Việt Nam trong hai thập kỷ gần đây tăng trưởng cao qua các năm, từ 1,77 tỷ USD năm 2002 lên 8,26 tỷ USD năm 2010 và đạt 17,2 tỷ USD năm 2020, như vậy từ năm 2002 đến năm 2020 tăng gấp 10 lần, đứng top 10 thế giới về lượng kiều hối. Kiều hối đổ vào Việt Nam đã vượt qua cả nguồn vốn hỗ trợ

phát triển (ODA) và nguồn vốn đầu tư nước ngoài FDI (Nguyen & Hoang, 2019).

Cùng với lượng kiều hối đổ vào trong nước, nền kinh tế Việt Nam đã duy trì được sự tăng trưởng kinh tế cao bình quân giai đoạn 2002-2020 đạt 6,28% (World Bank, 2021). Nhờ vậy, tổng GDP Việt Nam tăng từ mức 35 tỷ USD (2002) lên 271 tỷ USD (2020) (Hình 1). Mặc dù trong giai đoạn diễn biến đại dịch phức tạp, nền kinh tế của nhiều nước phát triển trên thế giới phải đương đầu với nhiều khó khăn, lượng kiều hối về Việt Nam vẫn có xu hướng gia tăng. Chính sự phát triển nhanh chóng của lượng kiều hối đến các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng đã trở thành mối quan tâm của nhiều nhà kinh tế, nhà nghiên cứu. Đến nay đã có nhiều nghiên cứu, cả lý thuyết cũng như thực nghiệm, về tác động của kiều hối đến tăng trưởng kinh tế ở các khu vực khác nhau. Các kết quả nghiên cứu cho thấy tác động của kiều hối đến tăng trưởng kinh tế theo cả hai chiều hướng tích cực và tiêu cực bởi các nghiên cứu sử dụng các phương pháp khác nhau, thời gian

* Tác giả liên hệ

Địa chỉ email: hiennguyenphuc@ftu.edu.vn

<https://doi.org/10.57110/jebvn.v3i1.158>

Bản quyền © 2023 (Các) tác giả

Bài báo này được xuất bản theo CC-NC 4.0 license.

và không gian nghiên cứu khác nhau. Vì vậy, nghiên cứu này sẽ dựa vào mô hình VAR với số liệu chuỗi thời gian theo quý trong giai đoạn 2002-2020 để xem xét kiểu hồi tác động như thế nào đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong ngắn hạn và dài hạn.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Các nghiên cứu về ảnh hưởng của kiều hối đến tăng trưởng kinh tế cả tích cực và tiêu cực đã được nhiều tác giả thực hiện bằng các phương pháp và dữ liệu thu thập từ các phạm vi khác nhau cả ở nước phát triển và đang phát triển.

Thứ nhất, kiều hối tác động tích cực tăng trưởng kinh tế: Abdihi và cộng sự (2012) cho rằng kiều hối có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế sau khi tổng hợp dữ liệu từ 111 nước trên thế giới trong giai đoạn 1990-2000. Azizi (2018) sử dụng dữ liệu thu thập từ 122 nước đang phát triển từ giai đoạn 1990-2015, đưa ra kết luận rằng kiều hối có tác động tích cực to lớn đến vấn đề sức khỏe và giáo dục của những nước đang phát triển và thúc đẩy phát triển kinh tế. Tương tự, Nguyen và Vu (2020) sử dụng công cụ FE và OLS với dữ liệu bảng từ 8 nước ASEAN (trong đó có Việt Nam) trong khoảng thời gian từ 2000-2016 cho thấy kiều hối có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Thu thập dữ liệu từ 73 nước phát triển giai đoạn 1975-2002, Paola và cộng sự (2009) cho thấy kiều hối có tác động tích cực đến phát triển kinh tế chỉ ở những nước không có hệ thống tài chính phát triển. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng lượng kiều hối tăng liên tục có thể làm giảm động lực làm việc của người dân, dẫn đến hiệu quả các chính sách kinh tế của chính phủ trở nên không hiệu quả, về lâu dài có thể dẫn đến tác động tiêu cực thay vì tích cực.

Le và Phan (2014) sử dụng phương pháp IV-GMM thu thập dữ liệu từ 29 quốc gia đang phát triển trong giai đoạn 2000-2011 chỉ ra kiều hối và tăng trưởng kinh tế có mối quan hệ phi tuyến tính. Với một lượng kiều hối vừa đủ sẽ tạo ra tác động tích cực, còn nếu dòng kiều hối đổ vào quá nhiều sẽ tạo hiệu ứng ỷ lại, gây ra

tác động tiêu cực. Nghiên cứu của Pham và Pham (2018) sử dụng mô hình ARDL, dữ liệu thu thập theo quý từ năm 1996-2016 tại Việt Nam đưa ra kết quả tương tự: Ở góc độ vĩ mô, khi lượng kiều hối chuyển vào Việt Nam trong chừng mực đủ có thể kích thích tăng trưởng kinh tế, vượt quá dẫn đến tác động tiêu cực.

Thứ hai, kiều hối tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế: Chami và cộng sự (2005) sử dụng dữ liệu bảng với mô hình gồm dữ liệu thu thập từ 113 quốc gia trong khoảng thời gian 29 năm cho rằng kiều hối có tác động tiêu cực tới GDP. Majeed (2015) chỉ ra, nếu kiều hối được coi là nguồn vốn tài chính chủ yếu lâu dài, người nhận tiền sẽ mất động lực tham gia lực lượng lao động, tình trạng tham nhũng trong nền kinh tế sẽ xảy ra. Bettin (2012) chỉ ra ở tầm vĩ mô, kiều hối tăng mạnh có thể gây ra hiện tượng “căn bệnh Hà Lan” thông qua việc tăng giá thực của đồng nội tệ, làm hạn chế xuất khẩu và vì vậy ảnh hưởng tiêu cực tới sản xuất và việc làm. Theo Aggarwal và cộng sự (2006), nếu kiều hối được chuyển cho người nhận trong khoảng thời gian quá dài, khả năng người nhận sẽ mất đi năng suất lao động vốn có, về lâu dài sẽ làm cản trở tăng trưởng kinh tế. Nguyen và Hoang (2019) sử dụng mô hình OLS nghiên cứu tác động của kiều hối đến tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 1991-2017 cho thấy tác động tiêu cực của kiều hối đến tăng trưởng GDP trong dài hạn. Cũng theo Nguyễn Phúc Hiền (2017), sử dụng mô hình OLS nhằm tìm ra mối liên hệ giữa kiều hối và tỷ giá thực hữu hiệu đa phương (REER) trong giai đoạn 1990 -2015 theo dữ liệu hàng năm, kết quả cho thấy kiều hối có tác động tiêu cực đến REER tại Việt Nam, giảm năng lực cạnh tranh của kinh tế trên thị trường quốc tế, về lâu dài không có tác động tích cực cho phát triển kinh tế. Nguyen và cộng sự (2020) nghiên cứu 32 nước châu Á giai đoạn 2006-2016 bằng mô hình GMM chỉ ra các nước nhận lượng kiều hối nhiều đang phải đối mặt với hiện tượng “căn bệnh Hà Lan” là giảm năng lực cạnh tranh và tăng trưởng kinh tế trong dài hạn.

Tóm lại, các nghiên cứu trước đây đã đưa ra các kết luận khác nhau về tác động của kiều hối đến tăng trưởng kinh tế. Điều này có thể được giải thích là do các mô hình nghiên cứu, các yếu tố kinh tế được đưa vào để phân tích khác nhau, dẫn đến các kết luận khác nhau. Vì vậy vẫn còn những khoảng trống cần được nghiên cứu.

3. Phương pháp nghiên cứu và dữ liệu

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Để xem xét tác động của kiều hối đến tăng trưởng kinh tế (GDP) trong mô hình hàm tăng trưởng nội sinh, nghiên cứu sử dụng mô hình tự hồi quy (VAR). Mô hình VAR là một mô hình kinh tế lượng dùng để xem xét động thái và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa một số biến theo thời gian. Trong mô hình VAR, mỗi biến số được giải thích bằng một phương trình chứa các độ

trễ của chính biến số và giá trị trễ của biến số khác. Mô hình VAR được áp dụng cho nghiên cứu này bởi: (i) Ước lượng các biến số kinh tế vĩ mô nội sinh cho kết quả chính xác; (ii) Phương pháp đơn giản và sử dụng được nhiều phần mềm khác nhau; (iii) Có thể phân tích nhiều chuỗi thời gian khác nhau. Để thể hiện mối liên hệ giữa kiều hối và tăng trưởng kinh tế, nghiên cứu xây dựng mô hình cơ bản:

$$GDP = F(EMITT, X) \quad (*)$$

Trong đó: GDP là tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam, REMIT là lượng kiều hối chảy vào Việt Nam, X là bao gồm các yếu tố khác mà nghiên cứu này cho rằng có thể ảnh hưởng tới tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Trên cơ sở nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng GDP của Hoàng Anh và Đức Anh (2018) cũng như bối cảnh tác động của đại dịch COVID-19, mô hình cơ bản (*) được viết dưới dạng mô hình hồi quy VAR cụ thể như sau:

$$\begin{aligned} GDP_t = & \beta_0 + \sum_{i=1}^k \beta_{1i} GDP_{t-i} \\ & + \sum_{i=1}^k \beta_{2i} \ln remitt_{t-i} + \sum_{i=1}^k \beta_{3i} \ln cpi_{t-i} \\ & + \sum_{i=1}^k \beta_{4i} \ln fdi_{t-i} + \sum_{i=1}^k \beta_{5i} covid_{t-i} + \sum_{i=1}^k \beta_{6i} m2_{t-i} + \varphi_t \end{aligned}$$

Nghiên cứu tiến hành: (i) Kiểm tra tính dừng của dữ liệu thời gian và chọn độ trễ tối ưu cho mô hình nghiên cứu; (ii) Tiến hành ước lượng VAR; (iii) Kiểm tra tính ổn định

của mô hình, tự tương quan phần dư, kiểm định Granger, hàm phản ứng đẩy và phân rã phương sai.

Bảng 1: Chi tiết các biến trong mô hình

TT	Ký hiệu	Vai trò	Lấy logarit	Mô tả biến	Đơn vị	Nguồn
1	GDP	Biến phụ thuộc		Tăng trưởng kinh tế Việt Nam	%	IMF, ADB
2	Remitt	Biến độc lập	lnremitt	Lượng kiều hối chảy vào Việt Nam	Triệu USD	IFS
3	CPI	Biến độc lập	ln cpi	Chỉ số giá tiêu dùng		IFS
4	FDI	Biến độc lập	ln fdi	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Triệu USD	IFS

5	COVID	Biến độc lập	Biến dummy (có 2 giá trị là 0 và 1)		
6	M2	Biến độc lập	Cung tiền	Triệu USD	IFS

3.2. Biến và dữ liệu

Các biến của nghiên cứu bao gồm: (i) Biến phụ thuộc: Tốc độ tăng trưởng (GDP); (ii) Biến độc lập: Lượng kiều hối (remitt), Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), Yếu tố COVID (biến dummy), Cung tiền (M2).

Dữ liệu được thu thập theo quý giai đoạn 2002-2020 từ cơ sở dữ liệu công bố tại IMF và World Bank. Tuy nhiên, dữ liệu theo quý của năm 2020 chưa được công bố hoàn chỉnh tại thời điểm nghiên cứu, vì vậy nguồn dữ liệu bao gồm dữ liệu từ quý 1 năm 2002 đến hết quý 2 năm 2020. Tổng cộng là 74 mẫu quan sát.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Kiểm định tính dừng và chọn độ trễ tối ưu mô hình

Kết quả kiểm định tính dừng

Sau khi lựa chọn các biến và xử lý dữ liệu cho vào mô hình, nghiên cứu tiến hành kiểm định tính dừng cho chuỗi dữ liệu thời gian. Trong 6 biến chỉ có biến FDI dừng ở lần đầu,

còn lại 5 biến không dừng. Vì vậy, nghiên cứu tiến hành lấy sai phân bậc 1 và bậc 2 lần lượt 5 biến còn lại, thu được một chuỗi dữ liệu các biến đều dừng ở Bảng 2.

Bảng 2: Kết quả sau khi sai phân

Biến	Giá trị P	Bậc sai phân	Kết luận
gdp	0,0001	2	Dừng
lnremitt	0,0000	1	Dừng
lnapi	0,0001	1	Dừng
COVID	0,0000	1	Dừng
m2	0,0000	1	Dừng

Nguồn: Kết quả từ Eviews 10.

Lựa chọn độ trễ tối ưu cho mô hình

Sau khi kiểm định tính dừng của chuỗi dữ liệu các biến, nghiên cứu tiến hành lựa chọn độ trễ tối ưu cho mô hình bằng cách sử dụng phần mềm Eviews, lựa chọn chiều dài độ trễ k dựa trên các tiêu chí AIC, SC, HQ, LR, FPE. Trong đó, 2 tiêu chí quan trọng được xem xét lựa chọn độ trễ thích hợp nhất cho các biến là AIC và SC, cụ thể là giá trị k được lựa chọn sao cho AIC nhỏ nhất. Kết quả Bảng 3 chỉ ra độ trễ 3 quý là tối ưu để ước lượng mô hình.

Bảng 3: Kết quả lựa chọn độ trễ tối ưu

Lag	LogL	LR	FPE	AIC	SC	HQ
0	587,4418	NA	5,18e-16	-18,17006	17,54160	-18,28180
1	648,6676	109,0584	2,37e-16	-17,96766	-18,40023*	-19,53959
2	648,6676	75,73388	1,70e-16	-18,09032	-19,31834*	-15,69408
3	739,2670	60,58141*	1,47e-16*	-18,95836	-16,68720	-18,02456

Nguồn: Kết quả từ Eviews 10.

4.2. Kết quả ước lượng mô hình VAR

Sau khi khẳng định các biến để xây dựng mô hình là phù hợp, để xem mức độ tác động của các biến đến tăng trưởng kinh tế như thế nào, nghiên cứu ước lượng bằng việc sử dụng mô hình VAR thông qua phần mềm Eview 10

với các biến được lựa chọn và xử lý như trên, với độ trễ thích hợp là 3 đã được lựa chọn. Kết quả ước lượng được trình bày tại Bảng 4.

Kết quả cho thấy mô hình có chỉ số $R^2 = 0,7592$, có nghĩa là các biến độc lập đưa vào mô hình có thể giải thích được 75,92% sự thay đổi của của biến phụ thuộc là tăng trưởng kinh tế.

Nhân tố kiều hối (REMITT) tác động dương đến tăng trưởng kinh tế ở độ trễ thứ nhất (quý 1) được hiểu là trong ngắn hạn và tác động âm ở độ trễ thứ 2 và 3 được hiểu là trong dài hạn. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Pham và Anh (2018), Le và Phan (2014), Nguyen và Hoang (2019). Đại dịch COVID (COVID) chỉ

tác động tiêu cực (âm) đến tăng trưởng kinh tế ở độ trễ 2 và 3 (quý 2 và 3). Trong khi đó lạm phát (CPI), đầu tư nước ngoài (FDI) và cung tiền (M2) tác động âm đến tăng trưởng ở độ trễ 1 và 2 trong ngắn và trung hạn nhưng tác động dương ở độ trễ 3 dài hạn.

Bảng 4: Kết quả ước lượng mô hình VAR cho biến phụ thuộc GDP

D(GDP,2)	Hệ số	Sai số chuẩn	Hệ số t
D (GDP (-1),2)	-0,661909	(0,11440)	[-5,78579]
D (GDP (-2),2)	-0,850516	(0,12184)	[-6,98067]
D (GDP (-3),2)	-0,808115	(0,12286)	[-6,57752]
D (LNREMITT (-1))	0,007913	(0,01091)	[0,72538]
D (LNREMITT (-2))	-0,015139	(0,01306)	[-1,15889]
D (LNREMITT (-3))	-0,007869	(0,00996)	[-0,79037]
D (LNCPI (-1))	-0,290327	(0,24494)	[-1,18528]
D (LNCPI (-2))	-0,076730	(0,30685)	[-0,25006]
D (LNCPI (-3))	0,233145	(0,22832)	[1,02115]
D (LNFDI (-1))	-0,016065	(0,01148)	[-1,39990]
D (LNFDI (-2))	-0,012572	(0,01352)	[-0,93000]
D (LNFDI (-3))	0,007252	(0,01025)	[0,70749]
D (COVID (-1))	0,005067	(0,00950)	[0,53322]
D (COVID (-2))	-0,015028	(0,00954)	[-1,57539]
D (COVID (-3))	-0,023549	(0,00965)	[-2,43981]
D(M2(-1))	-0,017831	(0,02207)	[-0,80807]
D(M2(-2))	-0,010638	(0,02335)	[-0,45561]
D(M2(-3))	0,009097	(0,02428)	[0,37461]
C	0,001536	(0,00207)	[0,74265]
R ²	0,759244		
R ² hiệu chỉnh	0,662942		
Tổng bình phương phần dư	0,003736		

Nguồn: Kết quả từ Eviews 10.

Bảng 5: Kết quả kiểm định sự tự tương quan của phần dư

Prob.	Rao F-stat	df	Prob.
0,0106	1,741510	(36. 152,1)	0,0113
0,0869	1,387305	(36. 152,1)	0,0901
0,4786	0,995806	(36. 152,1)	0,4848
0,0003	2,259676	(36. 152,1)	0,0003

Nguồn: Kết quả từ Eviews 10.

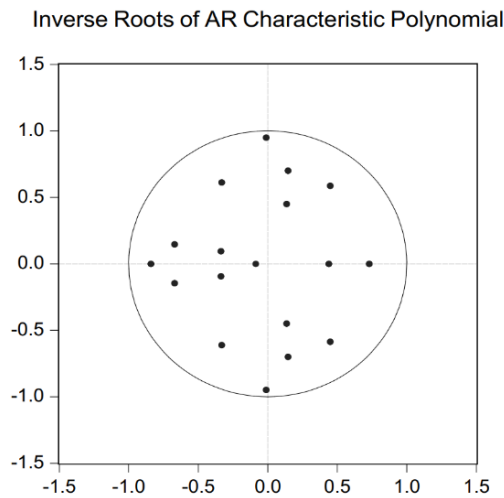
Để xác định xem mô hình được lựa chọn có phù hợp với chuỗi dữ liệu và các biến được lựa chọn hay không, nghiên cứu tiến hành kiểm định tự tương quan phần dư.

Kết quả Bảng 5 cho thấy mô hình không xuất hiện tự tương quan của phần dư, điều này chứng tỏ mô hình VAR cơ bản được xây dựng

là hoàn toàn phù hợp với chuỗi dữ liệu và các biến được lựa chọn.

Hình 2 thể hiện các giá trị riêng đều nằm trong vòng tròn đơn vị, nên mô hình được ước

lượng có sự ổn định cần thiết nhằm đảm bảo độ tin cậy của kết quả ước lượng.



Hình 2: Tính ổn định của mô hình với độ trễ là 3
Nguồn: Kết quả từ Eviews 10.

Bảng 6: Kết quả kiểm định mối quan hệ nhân quả Granger

Biến phụ thuộc: D(GDP,2)			
Biến độc lập	Chi-sq	df	Prob.
D(LNREMITT)	5,205771	3	0,01573
D(LNCPI)	3,480614	3	0,3233
D(LNFDI)	4,129704	3	0,2478
D(COVID)	8,836409	3	0,0315
D(M2)	1,384265	3	0,7092
All	23,54538	15	0,0732

Nguồn: Kết quả từ Eviews 10.

Kiểm định nhân quả Granger

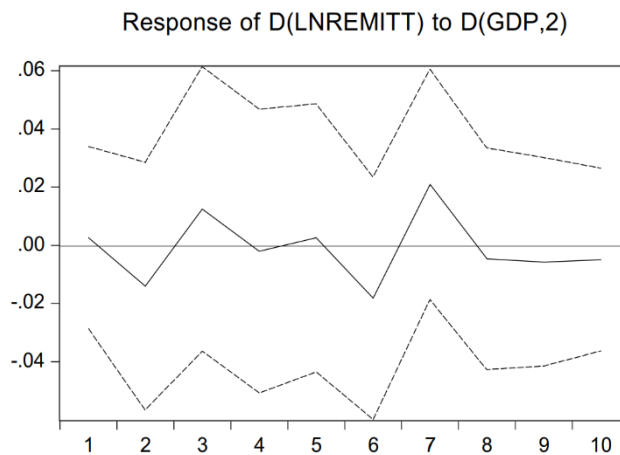
Để kiểm định tính tác động nhân quả của các biến đến tăng trưởng kinh tế GDP, nghiên cứu sử dụng phương pháp kiểm định nhân quả Granger.

Kết quả Bảng 6 chỉ ra 2 biến kiều hối (REMIT) và đại dịch COVID (COVID) có ý nghĩa thống kê ở mức 5%. Điều đó có nghĩa là kiều hối và đại dịch COVID tác động nhân quả đến tăng trưởng kinh tế. Lượng kiều hối đổ vào trong nước đã làm tăng cầu tiêu dùng và kích

thích tăng trưởng kinh tế, cũng như khi kiều hối chuyển về đầu tư vào thị trường tài chính tạo kích thích cầu đầu tư và làm tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, không có chiều ngược lại là tăng trưởng kinh tế tác động đến kiều hối. Đại dịch COVID tác động đến tăng trưởng kinh tế bởi trong thời kỳ đại dịch, Việt Nam phải thực hiện chủ trương giãn cách xã hội, các hoạt động kinh tế của phần lớn nền kinh tế bị dừng lại đã tác động đến tổng cung và tổng cầu, từ đó làm cho tăng trưởng kinh tế chậm lại.

Để kiểm tra phản ứng của tăng trưởng kinh tế trước sự thay đổi của kiều hối, nghiên cứu tiến hành phân tích hàm phản ứng đẩy. Nghiên cứu chỉ tập trung vào tác động của kiều hối đến tăng trưởng kinh tế. Hình 3 cho thấy, phản ứng của tăng trưởng kinh tế trước kiều hối khá rõ ràng. Trong ngắn hạn, khi kiều hối tăng trưởng sẽ khiến tăng trưởng kinh tế tăng vọt, thể hiện ở

đồ thị hình của 3 quý liên tiếp. Ngược lại, khi kiều hối giảm mạnh cũng khiến tăng trưởng kinh tế sụt giảm mạnh, giảm ngay vào quý 6 và tăng lại ngay trong quý 7. Tuy nhiên, từ quý 8 trở đi, phản ứng của tăng trưởng kinh tế do tác động của kiều hối được giữ ở trạng thái ổn định.



Hình 3: Kết quả hàm phản ứng đẩy (IFR)
 Nguồn: Kết quả từ Eviews 10.

Bảng 7: Kết quả phân rã phương sai

Giai đoạn	S.E.	D(GDP,2)	D(LNREMIT)	D(LNCPI)	D(LNFDI)	D(COVID)	D(M2)
1	0,009112	100,0000	0,000000	0,000000	0,000000	0,000000	0,000000
2	0,011181	93,63452	0,192525	1,315620	3,623173	0,421238	0,812919
3	0,012623	83,24155	5,177413	2,290140	4,167407	4,308547	0,814946
4	0,013455	73,77635	7,196228	5,682281	5,586989	6,433902	1,324254
5	0,015634	72,29552	5,816601	5,745034	6,445027	7,671354	2,026460
6	0,016464	70,07817	6,013078	7,199583	6,612165	8,249913	1,847089
7	0,017220	68,33462	5,932896	7,283786	7,343060	8,806121	2,299513
8	0,017625	66,18190	5,803591	7,867849	8,348095	9,571345	2,227217
9	0,018506	65,54517	5,488726	7,906957	9,043408	9,655927	2,359808
10	0,018901	64,86884	5,537972	8,278978	9,136714	9,905880	2,271615

Nguồn: Kết quả từ Eviews 10.

Để đánh giá chính xác hơn về sự tác động của các giá trị trong quá khứ của mỗi biến đến tăng trưởng, nghiên cứu tiến hành phân rã

phương sai theo phương pháp Recursive Cholesky của Sim (1980). Kết quả được thể hiện ở Bảng 7.

Tác động của tăng trưởng kinh tế trong quá khứ đến phương sai sai số dự báo của nó sẽ lan tỏa dần từ quý 1 đến quý 4 rồi chững lại và có dấu hiệu tắt dần từ quý 8 trở đi. Sự thay đổi của phương sai sai số dự báo của tăng trưởng kinh tế chủ yếu đến từ tăng trưởng kinh tế trong quá khứ (93,63% ở quý 2). Các yếu tố còn lại gồm kiều hối, CPI, FDI, COVID, cung tiền chi giải thích một phần nhỏ sự biến thiên của phương sai sai số dự báo của tăng trưởng kinh tế. Trong ngắn hạn và dài hạn, cần một khoảng thời gian để kiều hối tạo nên một tác động nhất định đến tăng trưởng kinh tế. Kết quả chỉ ra kiều hối chưa kịp ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế ở quý 2 (mức độ ảnh hưởng chỉ khoảng 0,19%) và phải chờ đến quý 3, khi đó mới thực sự giải thích cho tăng trưởng kinh tế với mức độ ảnh hưởng tăng nhanh từ 0,19% lên 5,17% và giữ dần tính ổn định cho mức độ giải thích khoảng 5,8% từ quý 8.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Nghiên cứu đã xem xét tác động của kiều hối đến tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn 2002-2020 bằng mô hình VAR, cho thấy có tác động tích cực trong ngắn hạn và tác động tiêu cực trong dài hạn. Trong ngắn hạn, kiều hối tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế nhưng ở mức độ nhỏ và sau đó tăng mức độ ảnh hưởng ở các quý tiếp theo, ổn định từ quý 8. Lượng kiều hối về Việt Nam giúp người thân ở trong nước cải thiện đời sống, tăng tiêu dùng, đồng thời kích thích hoạt động đầu tư tài chính bằng việc gửi ngân hàng hoặc đầu tư trên thị trường chứng khoán từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao mức sống người dân.

Tuy nhiên, về dài hạn, nghiên cứu chỉ ra dấu hiệu đảo chiều kiều hối tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Điều này có thể được giải thích khi một người nhận được quá nhiều tiền từ nước ngoài gửi về mà họ không cần phải lao động, tâm lý ỷ lại vào dòng tiền đó sẽ xuất hiện. Họ không còn động lực làm việc, không còn động lực sáng tạo sản xuất, năng suất lao động của xã hội sẽ sụt giảm. Bên cạnh đó, tác động tiêu cực còn được giải thích bằng hiện

“căn bệnh Hà Lan”, khi một lượng kiều hối lớn đổ vào Việt Nam thì làm giảm năng lực cạnh tranh xuất khẩu và tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế trong dài hạn (Nguyen, 2017).

Từ kết quả trên nghiên cứu khuyến nghị một số hàm ý chính sách: Thứ nhất, khuyến khích kiều bào đang định cư sinh sống ở nước ngoài và những người xuất khẩu lao động ở nước ngoài gửi tiền về trong nước. Để thu hút được lượng kiều hối về trong nước cần: (1) Chính sách thuận tiện cho việc gửi tiền kiều hối bằng nhiều kênh khác nhau nhưng không vi phạm quy định quốc tế về chống rửa tiền mà Việt Nam đã cam kết; (2) Phát triển thị trường trái phiếu, xem xét phát hành “trái phiếu kiều hối” do Nhà nước phát hành nhằm xây dựng đất nước; (3) Phát triển thị trường chứng khoán minh bạch để thu hút đầu tư của kiều bào và người đi lao động xuất khẩu; (4) Xem xét chính sách tín dụng riêng để thu hút lượng ngoại tệ kiều hối gửi về; (5) Phát triển thị trường bất động sản. Thứ hai, nghiên cứu cho thấy kiều hối không phải là nguồn tài chính cho phát triển lâu dài, do đó Chính phủ cần nhắc các chính sách để khuyến khích người đi lao động nước ngoài nhiều vì có thể dẫn đến thiếu hụt nguồn cung lao động trong nước, từ đó làm tăng giá nhân công và tiền kiều hối gửi về tập trung vào tiêu dùng, làm tăng chi phí trong nước và giảm năng lực cạnh tranh.

Tài liệu tham khảo

- Abdih, Y., Chami, R., Dagher, J., & Montiel, P. (2012). Remittances and institutions: Are remittances a curse? *World Development*, 40(4), 657-666. <https://doi.org/10.1016/j.worlddev.2011.09.014>
- Aggarwal, R., Demirgüç-Kunt, A., & Peria, M. S. M. (2006). Do workers' remittances promote financial development? *Journal of Development Economics*, 92(2), 255-264. <https://hdl.handle.net/10986/8418>
- Anh, P. T. H., & Anh, P. D. (2018). Investigating the impact of remittances flow on Vietnam's economic growth based on the ARDL model. *Journal of Asian Business and Economic Studies*, 2(1), 24-39. <https://doi.org/10.12345/JABES.2018.002>
- Azizi, S. S. (2018). The impacts of workers' remittances on human capital and labor supply in

- developing countries. *Economic Modelling*, 75, 377-396.
<https://doi.org/10.1016/j.econmod.2018.07.012>
- Bettin G., & Zazzaro, A. (2012). Remittances and financial development: Substitutes or complements in economic growth? *Bulletin of Economic Research*, 64(4), 509-536.
<https://doi.org/10.1111/j.1467-8586.2011.00398.x>
- Chami, R., Fullenkamp, C., & Jahjah, S. (2005). Are immigrant remittance flows a source of capital for development. *IMF Staff Papers*, 52(1), 55-81.
<https://www.imf.org/external/pubs/ft/wp/2003/wp03189.pdf>
- Le, C. D., & Phan, T. T. T (2014). The impact of remittances on economic growth in developing countries. *Journal of Development & Integration*, 16(26), 52-58.
<https://jdi.uef.edu.vn/en/article/BB39-SXB16>
- Nguyen, P. H., & Vu, T. C. (2020). Impact of remittances on economic growth in some ASEAN countries. *Journal of Foreign Economic Relations*, 120(8/2019), 34-42.
- Hien, N. P., & Hoang, T. H. (2019). Impacts of remittance on Vietnam's GDP growth. *Journal of Trade Science*, 132(3), 24-29.
- International Monetary Fund. (n.d.). Monetary and financial statistics by indicator.
<https://data.imf.org/regular.aspx?key=63087883>
- Majeed, M. T. (2015). Corruption and remittances: evidence from around the world. *Journal of Economics and Development*, 17(3), 5-24.
<https://doi.org/10.1108/JED-07-2015-0006>
- Nguyen, P. H., Vo, D. H., & Hoang, C. N. (2020). Remittance, real exchange rate, and the Dutch disease in Asian developing countries. *The Quarterly Review of Economics and Finance*, 77, 131-143. <https://doi.org/10.1016/j.qref.2019.11.012>
- Paola, G., & Marta, R. (2005). Remittances, financial development, and growth. *Journal of Development Economics*, 90(1), 144-152.
<https://doi.org/10.1016/j.jdeveco.2008.10.005>
- Nguyen, P. H. (2017). Remittances and competitiveness: A case study of Vietnam. *Journal of Economics, Business and Management*, 5(2), 79-83.
<https://www.joebm.com/vol5/490-EB2001.pdf>
- Sim. C. A. (1980). Macroeconomics and reality. *Econometrica*, 48(1), 1-48.
<https://doi.org/10.2307/191201>
- World Bank. (n.d.). *Vietnam data: Workers' remittances and compensation of employees, received (current US\$)*.